

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện
Dự án Khu nghỉ dưỡng, điều dưỡng và phục hồi chức năng
của Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Đức Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Theo Văn bản số 542/BVPTR-KHKT ngày 14/10/2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về việc tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu nghỉ dưỡng, điều dưỡng và phục hồi chức năng của Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Đức Bình Định;

Xét đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Đức Bình Định tại Văn bản số 1122/BDA-HĐB ngày 06/11/2024 và đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 393/TTr-SNN ngày 13/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu nghỉ dưỡng, điều dưỡng và phục hồi chức năng của Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Đức Bình Định, với tổng diện tích là 3,95 ha, trong đó:

- Diện tích rừng trồng: 3,95 ha, thuộc quy hoạch rừng phòng hộ.

- Vị trí: Thuộc khoảnh 1B, khoảnh 2A, khoảnh 2B, tiểu khu 257, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Giới hạn điểm góc có tọa độ hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi 3 độ theo Phụ lục kèm theo.

- Hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ kèm theo, gồm:

+ Văn bản số 1122/BDA-HĐB ngày 06/11/2024 của Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Đức Bình Định về việc đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

+ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

+ Văn bản số 542/BVPTR-KHKT ngày 14/10/2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về việc tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu nghỉ dưỡng, điều dưỡng và phục hồi chức năng của Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Đức Bình Định.

+ Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng Dự án Khu nghỉ dưỡng, điều dưỡng và phục hồi chức năng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Đức Bình Định thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định; chỉ đạo đơn vị liên quan cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (Tăng/Giảm) theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Đức Bình Định thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai để triển khai thực hiện dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Giám đốc Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Đức Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BQLKKT;
- PVPKT;
- Lưu: VT, K4, K10


KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
RANH GIỚI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNGSANG MỤC ĐÍCH
KHÁC DỰ ÁN KHU NGHỈ DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG VÀ PHỤC HỒI CHỨC
NĂNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2024 của UBND tỉnh)

1. Khu vực 1: Diện tích 0,73 ha.

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	607453,87	1548984,76	19	607479,68	1548834,33
2	607468,64	1548948,47	20	607481,65	1548840,86
3	607483,17	154892258	21	607477,82	1548847,78
4	607484,40	1548916,12	22	607473,22	1548846,25
5	607489,07	1548909,91	23	607472,14	1548848,92
6	607490,19	1548894,82	24	607473,38	1548855,26
7	607498,51	1548872,78	25	607477,73	1548864,19
8	607513,06	1548842,80	26	607464,57	1548876,01
9	607526,86	1548827,85	27	607445,17	1548874,13
10	607528,30	1548819,63	28	607439,08	1548884,48
11	607513,96	1548825,60	29	607442,06	1548888,92
12	607509,29	1548823,31	30	607439,12	1548898,68
13	607497,34	1548817,45	31	607429,68	1548913,99
14	607485,51	1548824,07	32	607428,11	1548933,66
15	607478,92	1548822,34	33	607415,85	1548946,57
16	607481,52	1548826,31	34	607408,16	1548946,17
17	607481,13	1548826,53	35	607405,34	1548962,93
18	607481,23	1548827,69			

2. Khu vực 2: Diện tích 0,06 ha.

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	607480,79	1548654,40	4	607456,99	1548639,24
2	607491,96	1548628,69	5	607472,36	1548650,84
3	607463,58	1548624,34			

3. Khu vực 3: Diện tích 3,05 ha.

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	607572,80	1548751,96	36	607586,87	1548402,38
2	607579,27	1548740,00	37	607560,22	1548397,05
3	607587,30	1548681,23	38	607527,60	1548481,53
4	607612,93	1548634,23	39	607556,20	1548483,38
5	607637,79	1548607,00	40	607555,87	1548484,29

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
6	607631,03	1548575,90	41	607571,27	1548489,45
7	607630,50	1548542,78	42	607564,11	1548513,72
8	607640,31	1548496,71	43	607563,59	1548522,00
9	607644,59	1548458,14	44	607541,58	1548520,90
10	607645,48	1548412,72	45	607539,81	1548531,47
11	607666,22	1548385,81	46	607535,99	1548544,09
12	607675,25	1548353,43	47	607532,10	1548563,53
13	607676,74	1548334,31	48	607546,49	1548571,10
14	607671,31	1548322,00	48	607531,05	1548572,06
15	607666,33	1548319,01	50	607557,83	1548574,92
16	607667,77	1548318,05	51	607558,11	1548577,78
17	607661,12	1548313,87	52	607557,34	1548577,27
18	607659,05	1548310,71	53	607555,60	1548589,94
19	607659,39	1548306,72	54	607553,99	1548592,31
20	607655,62	1548304,05	55	607553,87	1548602,55
21	607654,23	1548300,73	56	607550,13	1548611,41
22	607654,07	1548305,09	57	607534,67	1548609,64
23	607656,22	1548315,24	58	607538,49	1548625,31
24	607654,89	1548316,54	59	607529,53	1548627,50
25	607644,48	1548317,79	60	607536,01	1548632,50
26	607644,03	1548321,36	61	607545,48	1548642,74
27	607635,03	1548319,79	62	607546,41	1548649,10
28	607636,29	1548326,22	63	607543,44	1548648,62
29	607642,32	1548333,76	64	607546,58	1548657,48
30	607640,95	1548343,38	65	607545,55	1548661,15
31	607631,59	1548359,74	66	607547,18	1548670,32
32	607624,39	1548361,74	67	607550,60	1548678,57
33	607623,77	1548363,95	68	607544,54	1548704,64
34	607617,51	1548359,59	69	607549,32	1548723,42
35	607606,11	1548354,44	70	607558,20	1548740,53

4. Khu vực 4: Diện tích 0,11 ha.

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	607480,59	1548586,95	4	607522,91	1548576,04
2	607510,20	1548597,58	5	607498,96	1548551,05
3	607517,63	1548602,53			